

There are no translations available.

Năm h ọc 2012-2013 tr ư ng THPT Chuyên Khoa h ọc T ự nhiên có 498 h ọc sinh t ư t nghi ệ p, và có 453 h ọc sinh d ự thi 4 kh ớ i A, A1, B và D trong k ỳ thi tuy ệ n sinh Đ ể i h ọc 2013. Theo b ộ ng x ếp h àng c ấ a B ộ Giáo d ục và Đ ào t ạo v ề k ỹ t qu ỹ thi Đ ể i h ọc năm 2013, tr ư ng THPT Chuyên KHTN v ớ i 785 l ầ t thi và đ ể t đ ể m bình qu ản 22,20 x ếp v ớ trí th ứ 7 trong danh sách 200 tr ư ng THPT có k ỹ t qu ỹ cao nh ấ t trong c ấ n ề c. Tr ư ng ta có 5 h ọc sinh đ ể th ể khoa các tr ư ng Đ ể i h ọc, đó là :

- Phan Ng ữ c Minh l ầ p 12A2 Hóa th ể khoa kh ớ i A H ọc vi ệ n Ngân Hàng (29 đ ể m),
- Tr ư n Minh Tâm l ầ p 12A2 Toán th ể khoa kh ớ i A tr ư ng Đ ể i h ọc Khoa h ọc T ự nhiên (28 đ ể m),
- Lê Ph ồ ng Anh l ầ p 12A1 Toán th ể khoa kép kh ớ i A1 (25,5 đ ể m) và kh ớ i D1 (27 đ ể m) H ọc vi ệ n Ngo ữ i giao,
- Nguy ệ n Th ể K ể u Anh l ầ p 12A1 Toán đ ể ng th ể khoa kh ớ i D1 H ọc vi ệ n Ngo ữ i giao (27 đ ể m)
- Nguy ệ n Th ể Ng ữ c Anh l ầ p 12A1 Toán đ ể ng th ể khoa kh ớ i D1 tr ư ng Đ ể i h ọc Lu ậ t Hà N ộ i (26,5 đ ể m).

Ngoài ra Nguy ệ n T ể n Th ể ng và Nguy ệ n Minh D ữ ng l ầ p 12A2 Toán là đ ể ng Á khoa kh ớ i A tr ư ng Đ ể i h ọc Kinh t ể Qu ố c dân (29 đ ể m).

Toàn tr ư ng có 17 h ọc sinh đ ể t đ ể m thi t ừ 28 đ ể n 29. Đ ể c bi ể t trong đó ph ầ i k ể đ ể n Phan Ng ữ c Minh l ầ p 12A2 Hóa có đ ể m thi kh ớ i A là 29, kh ớ i B là 28,5 và Đ ể Văn Tâm l ầ p 12A2 Toán có đ ể m thi c ấ kh ớ i A, kh ớ i B đ ể u là 28,5.

N ề u tính t ừ 27 đ ể m tr ể lên, c ấ tr ư ng có 51 h ọc sinh; trong đó kh ớ i A là 35 h ọc sinh, kh ớ i B là 19 h ọc sinh và kh ớ i D1 là 2 h ọc sinh (có 5 h ọc sinh đ ể t đ ể m c ấ 2 kh ớ i A và B đ ể u t ừ 27 đ ể m tr ể lên).

Sau đây là top 20 tr ư ng THPT có đ ể m thi Đ ể i h ọc cao nh ấ t c ấ n ề c.

STT

T nh / thành ph

Mã ố Sn v

Tên tr đ ng ph thông

L đ t d thi

Ố TB (Ex)

1

TP H Chí Minh

2018

THPT NK ĐH KHTN

519

23,31

2

Tỉnh Bình Phước

43004

THPT Chuyên Quang Trung

198

23,19

3

Tỉnh Hà Tĩnh

30040

THPT Chuyên Hà Tĩnh

319

22,55

4

TP Hà N ội

1A037

THPT Chuyên ĐH SP HN

552

22,41

5

T ỉnh Nam Đ ỉnh

25002

THPT Lê H ị ng Phong

769

22,31

6

T ỉnh Vĩnh Phúc

16012

THPT Chuyên Vĩnh Phúc

430

22,22

7

TP Hà N ội

1A045

THPT Chuyên KHTN ỔH QG HN

785

22,20

8

TP Đà N ư ng

4005

THPT Chuyên Lê Quý Đôn

331

22,06

9

TP Hà N ư i

1A144

Chuyên ng ữ ĐH NN Q. gia

581

22,00

10

T ỉnh Bình Đ ỉnh nh

37003

THPT chuyên Lê Quý Đôn

401

21,90

11

TP Hà N ội

1A003

THPT Hà N ội-Amstecdam

672

21,89

12

T ỉnh H ải D ồng

21013

THPT Nguy ễn Tr ầi

453

21,70

13

T ỉnh Thái Bình

26002

THPT Chuyên

819

21,60

14

T ỉnh Đ ồng Nai

48001

THPT Chuyên L ồng Th ị Vinh

395

21,54

15

TP H Chí Minh

2015

THPT Lê H ng Phong

992

21,50

16

T nh Thanh Hóa

28118

THPT Chuyên Lam S n

453

21,41

17

T ì nh Khánh Hòa

41017

THPT chuyên Lê Quí Đôn

307

21,37

18

T ì nh Ngh ì An

29006

THPT Chuyên Phan B ì i Châu

536

21,27

19

T ã nh Th ã a Thiên-Hu ã

33001

THPT Chuyên Qu ã c H ã c

729

21,24

20

TP Hà N ã i

1B162

THPT Chuyên Nguyễn Huệ

820

21,22

TS. Lê Công L i (Phó Hi u tr ư ng)